

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2023

V/v yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trường

2. Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về yêu cầu ly hôn theo; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1977; trú tại thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Kiều M, sinh năm 1985; trú tại thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T và chị Trương Thị Kiều M tự nguyện tìm hiểu rồi kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa thuận, chị M thường xuyên bỏ nhà đi và anh, chị đã sống ly thân 01 năm nay. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm nên anh Nguyễn Hồng T yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị Kiều M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Bé N, sinh ngày 14/9/2009 do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay, anh Nguyễn Hồng T yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T về việc xin ly hôn với chị Trương Thị Kiều M là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị Kiều M vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Kiều M theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hồng T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T và chị Trương Thị Kiều M tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2008, nên được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa thuận và đã sống ly thân. Xét thấy, anh Nguyễn Hồng T và chị Trương Thị Kiều M phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhưng trong thời gian này anh, chị vẫn không hàn gắn đoàn tụ được với nhau, làm cho mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hồng T về việc ly hôn với chị Trương Thị Kiều M.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Hồng T và chị Trương Thị Kiều M có 01 con chung tên Nguyễn Bé N, sinh ngày 14/9/2009 do anh Nguyễn Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hồng T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, về nguyện vọng cháu N yêu cầu được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, để ổn định cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hồng T về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Nguyễn Hồng T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Hồng T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hồng T được ly hôn với chị Trương Thị Kiều M.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hồng T về việc: Anh Nguyễn Hồng T được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Bé N (giới tính nữ) sinh ngày 14/9/2009. Chị Trương Thị Kiều M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân và gia đình anh Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng, ngày 01/02/2023 anh Nguyễn Hồng T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo lai số: 0006101 được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Tịch Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Minh Tấn